

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hán Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Phương
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phan Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thúy P, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu 15, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Kế H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu 15, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách Xã Hội huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn X - chức vụ: Giám đốc (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 08, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại bản tự khai; quá trình hòa giải cũng tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị Thúy P trình bày: Chị và anh Đỗ Kế H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 05/9/2014. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng về sống cùng gia đình anh H, tại khu 15, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu làm ăn, mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh thường có hành vi bạo lực đánh chị. Đến năm 2020, do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Đỗ Tuấn A, sinh ngày 11/1/2015 và Đỗ Gia H, sinh ngày 15/5/2016. Hiện nay hai con chung đều đang ở với chị; ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Chị P đề nghị giải quyết khoản nợ vợ chồng vay chung của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); chị đã trả lãi hết tháng 4/2021. Chị yêu cầu chia đôi số nợ này, mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ số nợ và tiền nợ lãi tương ứng.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2020 và quá trình hòa giải bị đơn anh Đỗ Kế H có quan điểm trình bày:

Anh xác định thời điểm kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng như P đã trình bày là đúng. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn và có lần anh đã đánh chị P. Nhưng anh cho rằng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, anh còn yêu thương chị P, anh không muốn vợ chồng ly hôn vì anh hướng đến các con chung.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có hai con chung như chị P đã trình bày. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì chị P nuôi cháu H, anh nuôi cháu anh, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H trình bà vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất tại xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã thế chấp vay tiền ngân hàng. Nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ tài sản: H trình bày vợ chồng nợ ngân hàng nông nghiệp chi nhánh P số tiền 200.0000.000đồng, thế chấp quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng và nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000đồng. Nếu phải ly hôn thì anh H đề nghị giải quyết tài sản và công nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 29/01/2021, Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C có quan điểm trình bày như sau: Ngày 15/3/2018, vợ chồng chị P, anh H nợ có của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng. Nay anh chị ly hôn thì anh chị phải có nghĩa vụ trả nợ chung cho ngân hàng theo hợp đồng đã thỏa thuận.

Tại văn bản số 87 ngày 17 tháng 2 năm 2021, Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn huyện C có quan điểm trình bày như sau: Ngày 25 tháng 10 năm 2019, vợ chồng anh H, chị P có vay của Phòng giao dịch Phú Lạc, Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ số tiền 220.000.000đồng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 19, tờ bản đồ số 69, tài khu 15, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ và tài sản trên đất là nhà, bếp, công trình khép kín trên đất; thời hạn vay là 36 tháng. Đề nghị giải quyết, nếu ai sử dụng tài sản thì người đó phải trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; Điều 81, 82 và 83; 107, 110; 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Thúy P được ly hôn anh Đỗ Kế H.

Về con chung: Giao H con chung là Đỗ Tuấn A, sinh ngày 11/1/2015 và Đỗ Gia H, sinh ngày 15/5/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/con/tháng.

Về nghĩa vụ tài sản: Đề nghị giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng đối với Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ; buộc chị P và anh H, mỗi người phải trả ½ khoản nợ trên và lãi theo theo hợp đồng.

Đối với khoản nợ ngân hàng nông nghiệp: Đây là nợ có bảo đảm, trong khi anh H cố tình vắng mặt, không thể giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng đã thế chấp ngân hàng nên đề nghị Tòa án tách khoản nợ và tài sản chung chung đã thế chấp để giải quyết sau.

Về tài sản chung và công sức: Đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí nghĩa vụ về tài sản. Anh H phải chịu án phí nghĩa vụ tài sản và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã có bản tự khai, đã tiến hành hòa giải nhưng sau đó cố tình vắng mặt, tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh H là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị chị Đặng Thị Thúy P xin được ly hôn anh Đỗ Kế H thấy rằng:* Chị P và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; vì vậy, đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào trình bày của anh chị cũng như xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa P thấy rằng: Trong quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng, chị P, anh H đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và anh H có hành vi bạo lực đối với chị P. Mặc dù anh H muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, nên có cho anh chị về đoàn tụ cũng không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình được. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận đề nghị của chị P, cho chị P được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và Công sức:

3.1. Về con chung: Chị P và anh H có hai con chung là Đỗ Tuấn A, sinh ngày 11/1/2015 và Đỗ Gia H, sinh ngày 15/5/2016, nhưng hiện nay hai con đang ở cùng chị P, trong khi anh H đi khỏi địa phương, cần giao hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng mới đảm bảo quyền lợi của con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần buộc anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

3.2 Về công nợ:

Đối với khoản nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C: Đây là khoản tiền của nhà nước, chị H và anh P vay không có bảo đảm, trong khi anh chị đều thừa nhận khoản tiền này. Do đó, cần buộc cả chị P và anh H cùng có nghĩa vụ trả nợ, chung mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ số nợ tương ứng 25.000.000đồng và lãi suất tương ứng là phù hợp.

Đối với khoản nợ ngân hàng nông nghiệp: Đây là khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản chung của vợ chồng, chưa đến hạn trả nợ trả nợ; trong khi để giải quyết được khoản nợ này cần phải giải quyết đồng thời tài sản chung của vợ chồng đã thế chấp ngân hàng, nhưng hiện nay anh H lại cố tình vắng mặt, và chị P cũng không đề nghị giải quyết. Do đó, cần tách khoản nợ này ra giải quyết bằng vụ án khác mới đảm bảo quyền lợi của các bên.

3.3. Về công sức: Chị P và anh H không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí nghĩa vụ tài sản; anh H phải chịu án phí nghĩa vụ tài sản và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56; 81, 82 83; 107, 110; 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Thúy P được ly hôn anh Đỗ Kế H.

2. *Về con chung*: Giao hai con chung là Đỗ Tuấn A, sinh ngày 11/1/2015 và Đỗ Gia H, sinh ngày 15/5/2016, cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/1 con/tháng x 2 con = 2.000.000đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). P thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

3. *Về nghĩa vụ tài sản*: Giao chị Đặng Thị Thúy P có nghĩa vụ trả số tiền 25.000.000đồng và lãi suất phát sinh; anh Đỗ Kế H có nghĩa vụ trả nợ 25.000.000đồng và lãi suất phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng đã ký kết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. *Về án phí*: Chị Đặng Thị Thúy P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 1.250.000đồng án phí nghĩa vụ về tài sản; tổng cộng là 1.550.000đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003820 ngày 11 tháng 12 năm 2020, chị P còn phải nộp số tiền 1.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đỗ Kế H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 1.250.000đồng án phí nghĩa vụ về tài sản, tổng cộng là 1.550.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị P có mặt được quyền kháng cáo. Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh H hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đ;
- Lưu Văn phòng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hưởng

